TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/9/2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hàm .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Hặc và ông Hạng Sáy Dua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Tất Lơ - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vự 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuỷ - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2025giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị I - Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Bản H, xã P, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Giàng A H - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Bản H, xã P, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên toà không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Sùng Thị I trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2016 chị Sùng Thị I và anh Giàng A H quen biết, tìm hiểu yêu nhau sau đó tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau một thời gian, đến ngày 17/8/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã P, tỉnh Điện Biên). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay cản trở. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó nảy sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề chị *I* không mang thai được, đồng thời t*I*nh tình của cả hai vợ chồng không hợp nhau. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đ*I*ch hôn nhân không đạt được nên chị *I* đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Chị Sùng Thị I và anh Giàng A H không có con chung, con riêng, con nuôi, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị Sùng Thị I và anh Giàng A H tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Sùng Thị I có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc không đến tham dự được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Giàng A H, đã triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh H không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sùng Thị I, chị Sùng Thị I được ly hôn với anh Giàng A H.

- Về con chung, con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án ph*I*: Miễn án ph*I* Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng chứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 14/7/2025 chị Sùng Thị I nộp đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2025 về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Giàng A H, địa chỉ: Bản H, xã P, tỉnh Điện Biên. Chị *I* có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 15/7/2025 chị *I* được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị *I* theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Giàng A H có hộ khẩu thường trú tại: Bản H, xã P, tỉnh Điện Biên. Đây là vụ án Ly hôn do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên toà hôm nay, chị Sùng Thị I có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Giàng A H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Sùng Thị I và anh Giàng A H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là xã P, tỉnh Điện Biên), các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị *I,* anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị *I* không mang thai được, vợ chồng bất đồng quan điểm, hiện không quan tâm đến nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình

trạng thực tế giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị *I* và anh H vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hay chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị *I* khẳng định tình cảm của chị với anh H không còn, cho nên có kéo dài việc ly hôn và hòa giải cũng không có kết quả. Tại phiên hòa giải tại Tòa án cũng như tại P hôm nay anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị *I* cho ly hôn giữa chị Sùng Thị I với anh Giàng A H.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Chị Sùng Thị I và anh Giàng A H không có con chung, con riêng, con nuôi. Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị Sùng Thị I được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị Sùng Thị I là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí.

[4] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị I, cho ly hôn giữa chị Sùng Thị I và anh Giàng A H.

2. Về con chung, con riêng, con nuôi: Không có, không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản: Các đương sự tự thoả thuận, không đề cập giải quyết.

4. Về nợ: Không có, không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Chị Sùng Thị I được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi Nhận:
- Phòng GĐKTTT&THA TAT Điện Biên;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4-Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Pa Ham;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hàm